TAND HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS - ST
Ngày 06 tháng 10 năm 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Hỷ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Liên;
2. Bà Hà Thị Hòa;

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh – Thư ký TAND huyện Thường Xuân;
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 10 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân mở lại phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2023/TLST – DS ngày 12/4/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST – DS, ngày 05/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST – DS, ngày 20/9/2023. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP PĐ.
Địa chỉ: 41&45 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh Đ – chức vụ: Giám đốc TTBL Thanh Hóa.

(Theo Giấy ủy quyền số: 66/2021/UQ-CT.HĐQT, ngày 30/6/2021 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP PĐ)

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Lê Minh Đ: Ông Nguyễn Trung Ch , sinh năm 1989(vắng mặt).
Địa chỉ: Lô 01 – 02 đường Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa.

(Theo Giấy ủy quyền số: 06/2023/UQ –OCB-THN, ngày 06/3/2023 của Giám đốc TTBL Thanh Hóa).

Bị đơn: - Anh Nguyễn Ba D – sinh năm 1983(vắng mặt);

- Chị Lê Thị D – sinh năm 1989(vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn NT, xã LS, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2023 và các lời khai, tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/5/2021 Ngân hàng TMCP PĐ(Gọi tắt là: Ngân hàng OCB) – Chi nhánh Thanh Hóa và vợ chồng ông Nguyễn Ba D, bà Lê Thị D, trú tại thôn NT, xã LS, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa ký kết hợp đồng tín dụng theo hợp đồng vay số 182/2021/HĐTD – CN với số tiền vay là 500.000.000đ(Năm trăm triệu đồng) với mức lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay và kỳ hạn trả nợ được thể hiện theo quy định tại HĐTD và Khế ước nhận nợ. Để bảo đảm khoản vay thì vợ chồng ông Duy, bà Dung có thế chấp tài sản bảo đảm cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 751 tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 343803, số vào sổ cấp GCN: CH 00196 do UBND huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/8/2015. Địa chỉ: Thôn NT, xã LS, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Chủ sở hữu là bà Lê Thị D và ông Nguyễn Ba D.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, vợ chồng ông D, bà D đã trả cho Ngân hàng tính đến ngày khởi kiện(06/3/2023) số tiền: 147.090.472đ, trong đó nợ gốc là: 66.941.860đ, nợ lãi trong hạn: 75.204.373đ, nợ lãi quá hạn: 4.944.239đ. Từ ngày 19/11/2022 đến nay vợ chồng ông D, bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của ông D, bà D sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay và Khế ước nhận nợ tại OCB – Chi nhánh Thanh Hóa. OCB – Chi nhánh Thanh Hóa đã nhiều lần làm việc và gửi Công văn thông báo nợ, thông báo xử lý tài sản bảo đảm đến ông D, bà D dung để yêu cầu ông D, bà D thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, nhưng ông D, bà D không thực hiện.

Vì vậy Ngân hàng OCB khởi kiện các bị đơn Nguyễn Ba D, Lê Thị D ra Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1.Buộc các bị đơn Nguyễn Ba D, Lê Thị D phải trả số tiền nợ gốc, lãi cho Ngân hàng, tạm tính đến ngày 06/3/2023 là: 457.974.334đ, trong đó: Nợ gốc là: 433.058.140đ; Nợ lãi là: 24.916.194đ và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bà Lê Thị D và ông Nguyễn Ba D hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP PĐ.

2. Nếu ông D, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng OCB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp công chứng số 182/2021/BĐ- CN, ngày 10/5/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và nhà ở tại thửa số 751 tờ bản đồ số 25, địa chỉ Thôn NT, xã LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CA 343803 do UBND huyện Thường Xuân cấp ngày 21/8/2015 cho ông D, bà D – theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở công chứng số 182/2021/BĐ- CN, ngày 10/5/2021 giữa Ngân hàng OCB và ông Nguyễn Ba D, bà Lê Thị D.

Quá trình giải quyết vụ án ông D, bà D tiếp tục thanh toán được cho Ngân hàng OCB số tiền: 97.166.766đ; trong đó nợ gốc là: 45.558.122đ, nợ lãi trong hạn: 47.309.714đ, nợ lãi quá hạn: 4.298.930đ. Tổng số tiền gốc và lãi vợ chồng ông D, bà D đã thanh toán cho Ngân hàng OCB tính đến ngày 05/10/2023 là: 244.257.238đ.

Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc các bị đơn Nguyễn Ba D, Lê Thị D phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ đã ký, số tiền tạm tính đến ngày 05/10/2023 là: 400.843.777đ Trong đó: Nợ gốc trong hạn là: 379.166.686đ; Nợ gốc quá hạn là: 8.833.332, lãi trong hạn là: 13.107.241đ, lãi quá hạn là: 236.518đ; Buộc ông D, bà D phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng vay và Khế ước nhận nợ, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thực tế ông D, bà D trả hết nợ cho Ngân hàng OCB. Nếu ông D, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng OCB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

-Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Ngân hàng chịu chi phí xem xét thẩm định số tiền 3.500.000đ và sẽ yêu cầu khách hàng thanh toán khi tất toán khoản vay.

Tại các bản tự khai, bản ý kiến bị đơn Nguyễn Ba D trình bày: Do công việc gia đình nên vào ngày 10/5/2021 vợ chồng ông có vay của Ngân hàng TMCP OCB – Chi nhánh Thanh Hóa số tiền 500.000.000đ; tài sản bảo đảm khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 751 tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 343803, số vào sổ cấp GCN: CH 00196 do UBND huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/8/2015. Địa chỉ: Thôn NT, xã LS, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; thời gian và lãi suất được thể hiện như trong Hợp đồng vay và Khế ước nhận nợ được ký kết giữa vợ chồng ông và Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay vợ chồng ông có trả cho Ngân hàng được số tiền tính đến ngày 06/3/2023 là: 147.090.472. Trong đó số tiền nợ gốc là: 66.491.860đ; lãi là: 80.148.612đ. Sau đó ông Duy, bà Dung tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền là: 97.166.766đ, trong đó nợ gốc là: 45.558.122đ, lãi: 51.608.644đ. Từ ngày 29/6/2023 đến nay thì ông D, bà D không thực hiện việc trả nợ như cam kết trong hợp đồng, ông D, bà D đã nhận được Thông báo nợ của Ngân hàng, tuy nhiên do làm ăn khó khăn nên không có tiền để trả nợ Ngân hàng như cam kết, đến thời điểm hiện nay ông D, bà D đang nợ Ngân hàng OCB số tiền là: 400.843.777đ, ông D xin được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng OCB – Chi nhánh Thanh Hóa và trả gốc và lãi theo quy định.

Các bị đơn Lê Thị D, Nguyễn Ba D sau Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân thì bà D không có ý kiến gì, cũng không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập cũng như thông báo hòa giải. Qua xác minh tại địa phương thì bà Lê Thị D có hộ khẩu thường trú tại thôn NT, xã LS, huyện Thường Xuân, hiện tại bà D đang đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương; các giấy tờ Tòa án huyện Thường Xuân tống đạt cho ông D(chồng bà D), để ông D thông tin lại cho bà D biết, và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; ông D cũng chỉ đến Tòa án làm việc 02 lần và sau đó không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập. Như vậy các bị đơn Nguyễn Ba D, Lê Thị D không hợp tác, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lập biên bản về việc không hòa giải được đối với vụ việc trên. Vào ngày 20 tháng 9 năm 2023, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử, đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ, nhưng các bị đơn Nguyễn Ba D, Lê Thị D vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã ra quyết định hoãn phiên tòa, niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của các bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay một lần nữa các bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2023 thể hiện: thửa đất số 715, tờ bản đồ số 25 tại thôn NT, xã LS, huyện Thường Xuân mà ông D, bà D đang sử dụng có tổng diện tích 162m2(dài 27m; rộng 6m); tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 lợp mái tôn diện tích 78m2; 01 bếp ăn diện tích 19,2m2; 01 nhà tắm, vệ sinh diện tích 5m2; 01 bán bình diện tích 36m2. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất đã cấp cho các bị đơn để tuyên xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật và đúng thời hạn; xác định đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại phiên tòa đúng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa diễn ra đúng các thủ tục quy định.

- Đối với việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các bị đơn Lê Thị D, Nguyễn Ba D không chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 238; Khoản 2 Điều 21; Các Điều 147, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 223, 280, 305, 429, 463,466,468 Bộ luật dân sự 2015.

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và điểm c tiểu mục 1.3, mục II danh mục án phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 05/10/2023 là: 400.843.777đ. Trong đó nợ gốc trong hạn là: 379.166.686đ; Nợ gốc quá hạn là: 8.333.332đ; tiền lãi trong hạn là: 13.107.241đ; Lãi quá hạn là: 236.518đ. Các bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng vay, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày các bị đơn trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Phương Đông. Nếu các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng TMCP Phương Đông có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng OCB khởi kiện ông Nguyễn Ba D, bà Lê Thị D yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà D phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay đã ký giữa Ngân hàng với ông D, bà D. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Ba D, bà Lê Thị D có nơi cư trú tại thôn NT, xã LS, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng măt; Các bị đơn đã được Tòa án niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay các bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của các bị đơn không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số: số 182/2021/HĐTD – CN, ngày 10/5/2021, được ký kết giữa Ngân hàng OCB – Chinh nhánh Thanh Hóa và ông D, bà D thì thấy: Các bên tham gia ký kết Hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông D, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 19/11/2022 ông D, bà D trả nợ không theo đúng các kỳ đã thỏa thuận và không trả lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là vi phạm Hợp đồng tín dụng, vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng OCB và ông D, bà D phù hợp với Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Đến ngày 05/10/2023 thì ông D, bà D còn nợ Ngân hàng OCB – Chi nhánh Thanh Hóa số tiền là: 400.843.777đ; trong đó nợ gốc trong hạn là: 379.166.686đ; Nợ gốc quá hạn là: 8.333.332đ; tiền lãi trong hạn là: 13.107.241đ; Lãi quá hạn là: 236.518đ. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên là có căn cứ, phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

2.2 Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số: 182/2021/BĐ – CN, ngày 10/5/2021 giữa Ngân hàng OCB – Chi nhánh Thanh Hóa và ông Duy, bà Dung đã ký kết thì thấy: Các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 317 của Bộ luật dân sự 2015. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ.

Về xử lý tài sản bảo đảm: Theo quy định tại Điều 299, Điều 300 và Điều 303 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 5 của Hợp đồng thế chấp, do ông D, bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng OCB có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Đối với thửa đất và tài sản trên đất qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì thấy diện tích của thửa đất gia đình ông D, bà D đang sử dụng giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do đất này vợ chồng bị đơn được bố mẹ bà D cho tặng và phần cuối đất giáp tường rào cũ nhà bố đẻ chị D đang sử dụng. Thửa đất trên vẫn giữ nguyên hiện trạng và tài sản đúng như tại thời điểm ký kết hợp đồng tặng cho đất và hợp đồng thế chấp. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất đã cấp cho các bị đơn để tuyên xử theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu các bị đơn phải tiếp tục trả toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số số 182/2021/HĐTD – CN, ngày 10/5/2021 kèm theo Khế ước nhận nợ số: 182/2021/KUNN – CN, ngày 12/5/2021, nếu toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của các bị đơn cho

Ngân hàng OCB. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với Điều 299 của Bộ luật dân sự 2015, nên được chấp nhận.

3.Về án phí và chi phí tố tụng khác:

*Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và điểm c, tiểu mục 1.3, mục II danh mục án phí Tòa án.

Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

*Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 238; Khoản 2 Điều 21; Các Điều 147, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 223, 280, 305, 429, 463,466,468 Bộ luật dân sự 2015.
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Các Điều 27,37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và điểm c tiểu mục 1.3, mục II danh mục án phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng OCB

- Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc các bị đơn ông Nguyễn Ba D và bà Lê Thị D phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng OCB tổng số tiền tính đến hết ngày 05/10/2023 là: 400.843.777đ(Bốn trăm triệu tám trăm bốn ba nghìn bảy trăm bảy bảy đồng; trong đó nợ gốc trong hạn là: 379.166.686đ(Ba trăm bảy chín triệu một trăm sáu sáu nghìn sáu trăm tám sáu đồng); Nợ gốc quá hạn là: 8.333.332đ(Tám triệu ba trăm ba ba nghìn ba trăm ba hai đồng); tiền lãi trong hạn là: 13.107.241đ(Mười ba triệu một trăm linh bảy nghìn hai trăm bốn mốt đồng); Lãi quá hạn là: 236.518đ(Hai trăm ba sáu nghìn năm trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm(06/10/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 182/2021/HĐTD - CN ngày 10/5/2021, kèm theo Khế ước nhận nợ số 182/2021/KUNN - CN ngày 12/5/2021.

- Về xử lý tài sản bảo đảm:

+Trường hợp ông Nguyễn Ba D và bà Lê Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng OCB thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản khác gắn liền trên đất tại thôn NT, xã LS, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 182/2021/BĐ - CN ngày 10/5/2021 để thu hồi nợ.

+Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật không đủ thanh toán hết nghĩa vụ thì ông Nguyễn Ba D và bà Lê Thị D tiếp tục trả hết toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 182/2021/HĐTD - CN ngày 10/5/2021 kèm theo Khế ước nhận nợ số 182/2021/KUNN – CN, ngày 12/5/2021 của Ngân hàng OCB.

3.Án phí: Buộc Ông Nguyễn Ba D và bà Lê Thị D phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 20.033.752đ(Hai mươi triệu không trăm ba ba nghìn bảy trăm năm hai đồng); Trả lại cho Ngân hàng OCB số tiền 11.159.486đ(Mười một triệu một trăm năm chín nghìn bốn trăm tám sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0015556 ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, các bị đơn.Những người này có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Sỹ Hỷ